

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/DS-ST

Ngày: 21.4.2023

V/v: “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thanh Điền

Hội thẩm nhân dân:

1. bà Thái Ánh Trinh

2. ông Nguyễn Viết Ngoan

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Nguyễn Thị Nhân - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, tp. Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, tp. Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2022/TLST-DS ngày 23.3.2022 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2023/QĐXX-ST ngày 15 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông **Ngô Văn P**, sinh năm 1971, cư ngụ khu vực X, phường Y, quận T, tp. Cần Thơ.

Đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1971, khu vực X, phường Y, quận T, tp. Cần Thơ. (có mặt)

2. Bi đơn: ông **Ngô Văn N**, sinh năm 1961, cư ngụ khu vực G, phường M, quận N, tp. Cần Thơ. (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Thừa kế hàng thứ nhất của cụ **Ngô Văn N** và cụ **Lê Thị B**:

3.1. bà **Ngô Thị K**, sinh năm 1958, cư ngụ khu vực X, phường Y, quận T, tp. Cần Thơ.

3.2. bà **Ngô Thị B**, sinh năm 1962, cư ngụ ấp 1, xã 2, huyện 3, tp. Cần Thơ.

3.3. ông **Ngô Văn C** (chết), có người kế thừa gồm vợ Nguyễn Thị C¹ (chết), con tên Ngô Thị L, sinh năm 1990 và Ngô Thị L¹, sinh năm 1992.

3.4. bà **Ngô Thị V** (chết), có người kế thừa gồm chồng là ông Nguyễn Bá R (chết) và con tên Nguyễn Bá T, sinh năm 1996 và Nguyễn Huỳnh N, sinh năm 1999, cư ngụ tại khu vực 4, phường 5, quận T, tp. Cần Thơ.

3.5. bà **Ngô Thị P**, sinh năm 1974, cư ngụ khu vực X, phường Y, quận T, tp. Cần Thơ (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 27.12.2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Ngô Văn P (có ông Nguyễn Văn L đại diện) trình bày:* Cha mẹ nguyên đơn là cụ Ngô Văn N (chết năm 1978) và cụ Lê Thị B (chết năm 2004). Lúc sinh thời, cụ N và cụ B có 09 người con chung gồm: ông Ngô Văn Đ (chết), bà Ngô Thị L (chết, không có chồng con), bà Ngô Thị K, ông Ngô Văn N, bà Ngô Thị B, ông Ngô Văn P, ông Ngô Văn C (chết) có vợ là bà Nguyễn Thị C¹ (chết), có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm Ngô Thị L và Ngô Thị L¹, bà Ngô Thị V (chết), có chồng là ông Nguyễn Bá T (chết) có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm Nguyễn Bá T và Nguyễn Huỳnh N, bà Ngô Thị P. Ngoài ra các cụ không có con riêng hay con nuôi nào khác.

Khi còn sống cụ N với cụ B có tạo lập được tài sản là phần đất thừa số 26, tờ bản đồ số 09 do Lê Thị B đứng tên quyền sử dụng, đất tại khu vực X, phường Y, quận T, tp Cần Thơ. Hiện nay di sản để lại chưa chia.

Do cha mẹ chết không để lại di chúc nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được hưởng tài sản thừa kế theo pháp luật. Theo đó, ông Phân yêu cầu được hưởng toàn bộ thừa 26 theo trích đo.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 07.4.2022, bị đơn ông Ngô Văn N trình bày:* Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về cha mẹ là cụ Ngô Văn N (chết) và cụ Lê Thị B (chết); Về cha mẹ có 09 người con: Ngô Văn Đ (chết), Ngô Thị L (chết, không có chồng con), Ngô Thị K, Ngô Văn N, Ngô Thị B, Ngô Văn P, Ngô Văn C (chết), có người kế thừa là Ngô Thị L và Ngô Thị L¹, Ngô Thị V (chết), có người kế thừa là Nguyễn Bá T và Nguyễn Huỳnh N, Ngô Thị P. Ngoài ra cha mẹ không có con riêng hay con nuôi nào khác.

Khi còn sống cụ B đứng tên quyền sử dụng thừa 26, đất tại khu vực X, phường Y, quận T, tp Cần Thơ. Hiện di sản để lại chưa chia. Nay nguyên đơn yêu cầu hưởng toàn bộ di sản thừa 26 thì bị đơn thống nhất, không tranh chấp.

** Quá trình giải quyết, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: bà Ngô Thị K, bà Ngô Thị B, bà Ngô Thị P, anh Nguyễn Bá T, chị Nguyễn Huỳnh N thống nhất trình bày:* Thống nhất cụ Ngô Văn N (chết) và cụ Lê Thị B (chết) có 09 người con như các bên trình bày. Đất tranh chấp hiện do cụ Thị B đứng tên quyền sử dụng thừa 26, do các cụ chết không để lại di chúc nên các đương sự thống nhất ổn định kỷ phần cho ông P được hưởng.

** Đối với Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị L và chị Ngô Thị L¹:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuyên bố đương sự mất tích theo Quyết định tuyên bố một người mất tích số 03/2023/QĐST-VDS ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận T nên vụ án không tiến hành mở phiên họp đối với đương sự này được theo quy định khoản 1 điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn yêu cầu được hưởng toàn bộ thửa 26 theo trích đo; Bị đơn và người liên quan vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng là đúng trình tự thủ tục luật định.

- Về nội dung:

./ Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp thừa kế tài sản. Theo đó, ổn định cho ông P được hưởng 389,3m² tại thửa 26 - có 109,9m² trong hành lang lộ giới; ông P có nghĩa vụ thối hoàn giá trị kỷ phần cho chị L/chị L¹ theo quy định.

./ Về án phí và chi phí thẩm định, định giá tài sản và lệ phí Trích đo địa chính: đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Nguyên đơn cho rằng: Lúc sinh thời, cha mẹ là cụ Ngô Văn N (chết) và cụ Lê Thị B (chết) đều không để lại di chúc; Trong đó, cụ B đứng tên quyền sử dụng đất tại thửa 26, tờ bản đồ số 9 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất số 2357 GCN/RĐ do Lê Thị Bê đứng tên quyền sử dụng tại khu vực X, phường Y, quận T, tp. Cần Thơ. Đất hiện do ông P trực tiếp quản lý, sử dụng nên ông P khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật. Nên quan hệ pháp luật được xác định trong vụ kiện là “Tranh chấp thừa kế tài sản” (thừa kế theo pháp luật), thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 điều 203 Luật đất đai năm 2013.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị K, bà Ngô Thị B, bà Ngô Thị P, anh Nguyễn Bá T, chị Nguyễn Huỳnh N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đương sự có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Ngô Văn N vắng mặt lần thứ 2 không lý do; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị L và chị Ngô Thị L¹ mất tích theo Quyết định tuyên bố một người mất tích số 03/2023/QĐST-VDS ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận T nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định pháp luật.

[3] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

Nguyên đơn ông Ngô Văn P yêu cầu chia tài sản thừa kế - yêu cầu hưởng di sản thửa 26 theo trích đo; Bị đơn từ chối nhận di sản thừa kế, còn người liên quan thống nhất yêu cầu của nguyên đơn, tự nguyện giao kỷ phần được hưởng cho nguyên đơn.

Xét thấy:

- Về quyền sử dụng đất: Tại công văn phúc đáp số: 968/UBND-NC ngày 17.4.2023 xác định: Vào thời điểm kê khai năm 1990 và đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 26 thì không có khiếu nại hay tranh chấp liên quan. Do đó, UBND huyện Thốt Nốt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số 2357/GCN/RĐ ngày 11.9.1990 cho bà Lê Thị B là đúng quy định pháp luật tại thời điểm cấp Giấy. Các đương sự đều thừa nhận đất được cha mẹ là cụ N và cụ B tạo lập nhưng từ khi cha chết năm 1978 thì các đồng thừa kế không khiếu nại/tranh chấp đối với phần đất này. Đến năm 1990 thì cụ B được nhà nước cấp giấy đất để công nhận quyền sử dụng $426m^2$ (đo đạc $389,3m^2$) do đó xác định đất thửa 26 thuộc quyền sử dụng của cụ B để lại.

+ Về thời hiệu khởi kiện:

Tại điểm d, khoản 1, điều 688 Bộ luật dân sự (BLDS) năm 2015 quy định: Đối với giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thì: “Thời hiệu được áp dụng theo quy định của Bộ luật này”. Như vậy, trong trường hợp này, áp dụng quy định tại điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 để xác định thời hiệu đối với trường hợp thời điểm mở thừa kế trước ngày 01.01.2017, cụ thể là thời điểm mở thừa kế của cụ B.

Theo đó, cụ B (chết năm 2004). Đến ngày 27.12.2021 ông Ngô Văn P có đơn khởi kiện (nộp tạm ứng án phí ngày 18.3.2022); trong khi các đương sự trình bày từ khi cụ B chết đến nay thì các đương sự không khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế. Do đó, đối chiếu thời điểm mở thừa kế di sản của cụ B thì vào thời điểm ông P khởi kiện thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn (điều 623 Bộ luật dân sự 2015), nên di sản của cụ B để lại có diện tích thực tế $389,3m^2$ được chia theo quy định pháp luật về thừa kế.

+ Về hàng thừa kế:

Quá trình giải quyết, xác định Người để lại di sản thừa kế là cụ B (chết năm 2004). Lúc sinh thời, vợ chồng cụ B có 09 người con chung gồm: ông Ngô Văn Đ, bà Ngô Thị L, bà Ngô Thị K, ông Ngô Văn N, bà Ngô Thị B, ông Ngô Văn P, ông Ngô Văn C, bà Ngô Thị V, bà Ngô Thị P; ngoài ra cụ B không có con nuôi hay con riêng nào khác. Điều này phù hợp với lời thừa nhận của các bên đương sự và phù hợp với Tờ khai hộ tịch nên đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự để xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ B.

Năm 2004 cụ Lê Thị B chết nên hàng thừa kế thứ nhất đối với kỷ phần thừa kế của cụ để lại gồm: ông Ngô Văn Đ (con), bà Ngô Thị L (con), bà Ngô Thị K (con), ông Ngô Văn N (con), bà Ngô Thị B (con), ông Ngô Văn P (con), ông Ngô Văn C (con), bà Ngô Thị V (con), bà Ngô Thị P (con).

Do ông Đ chết năm 2007, bà L chết năm 2019 khi chưa lập gia đình nên không làm phát sinh người thừa kế thế vị của ông Đ, bà L; Còn ông C (chết năm 2001), bà V (chết năm 2019) nên phần di sản mà đương sự lẽ ra được hưởng nếu còn sống thì do con của ông C, bà V sẽ được hưởng theo quy định tại điều 652 Bộ luật dân sự 2015.

Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất của cụ B gồm: các con (bà Ngô Thị K, ông Ngô Văn N, bà Ngô Thị B, ông Ngô Văn P, bà Ngô Thị P) và các cháu (Ngô Thị L, Ngô Thị L¹ - thừa kế thế vị ông Ngô Văn C; Nguyễn Bá T, Nguyễn Huỳnh N - thừa kế thế vị bà Ngô Thị V). Tuy nhiên bà K, bà B, bà P, ông N và anh T, chị N từ chối nhận di sản mà yêu cầu ổn định cho ông P được hưởng kỷ phần mà lẽ ra đương sự được hưởng như phân tích trên.

+ Về công sức chăm sóc, nuôi dưỡng người để lại di sản cũng như chi phí bảo quản tài sản thừa kế: Quá trình giải quyết vụ án, khi cụ Bê còn sống thì cụ sống chung với ông P, ông P trực tiếp chăm sóc nên ông là người có công trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng người để lại di sản thừa kế; Tuy nhiên, đương sự không yêu cầu được hưởng tài sản thừa kế nhiều hơn kỷ phần được chia. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét công sức chăm sóc, nuôi dưỡng của ông P đối với người để lại di sản.

+ Xác định di sản thừa kế:

./ Như phân tích bên trên thì các đương sự ổn định kỷ phần cho ông P nên ông P và chị L, chị L¹ mỗi bên được hưởng một phần thừa 26. Trong đó, theo yêu cầu ổn định của các đương sự thì ông P được hưởng 6/7 kỷ phần; và chị L, chị L¹ được hưởng 1/7.

./ Về diện tích thửa đất số 26: Theo Trích đo địa chính số: 76/TTKTTNMT ngày 10.6.2022 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường tp. Cần Thơ thì diện tích thực tế và diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có chênh lệch, như sau: Diện tích theo Giấy đất là 426m², đo đạc thực tế 389,3m² (diện tích chênh lệch giảm 36,7m²). Tại Công văn phúc đáp số: 968/UBND-NC ngày 17.4.2023 của Ủy ban nhân dân (UBND) quận T xác định: UBND huyện T (trước đây) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2357/GCN/RĐ ngày 11.9.1990 tại thửa 26 cho bà Lê Thị B là đúng trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2 Mục II, Mục III Quyết định số 201/ĐKTK ngày 14.7.1989 của Tổng cục quản lý ruộng đất về việc ban hành quy định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nên đây là cơ sở xác định chia di sản theo diện tích thực tế.

Theo đó, diện tích thực tế 389,3m² được chia cho ông P (6/7), chị L/chị L¹ (1/7). Tức là, ông P được chia tương ứng là $389,3\text{m}^2 : 6/7 = 333,7\text{m}^2$; chị L/chị L¹ được chia $389,3\text{m}^2 : 1/7 = 55,6\text{m}^2$. Theo đó ông P có nghĩa vụ thối hoàn giá trị kỷ phần cho chị L/chị L¹ được hưởng, điều này không làm mất giá trị tài sản nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

./ Về giá trị quyền sử dụng đất: Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản thì: đất tranh chấp có giá trị 2.100.000 đồng/m² loại đất T. Trên cơ sở biên bản thẩm định và xác định mức giá, các đương sự thống nhất biên bản, thống nhất giá nên căn cứ mức giá này để buộc ông P thối hoàn giá trị đất cho người hưởng thừa kế.

Như viện dẫn trên thì chị L/chị L¹ được hưởng 55,6m², do đó ông P có nghĩa vụ thối hoàn giá trị đất cho chị L/chị L¹ giá trị tương ứng là: $2.100.000 \text{ đồng/m}^2 \times 55,6\text{m}^2 = 116.760.000 \text{ đồng}$. Do đương sự đã được tuyên bố mất tích nên ông P có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ này khi chị L/chị L¹ có yêu cầu.

[4] Về công trình xây dựng trên đất tranh chấp: Dương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đề cập.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như quan điểm giải quyết của đại diện Viện kiểm sát theo quy định tại điều 649 Bộ luật Dân sự.

[5] *Về chi phí thẩm định, định giá tài sản và lệ phí trích đo địa chính*: Nguyên đơn tự nguyện chịu 8.000.000 đồng.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí tương ứng đối với diện tích đất được phân chia. Do đó: ông P phải nộp: $5\% \times (333,7\text{m}^2 \times 2.100.000 \text{ đồng/m}^2) = 35.038.500 \text{ đồng}$ (làm tròn 35.039.000 đồng); Chị L/chị L¹ phải nộp: $5\% \times (55,6\text{m}^2 \times 2.100.000 \text{ đồng/m}^2) = 5.838.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 5, khoản 5 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điều 92, điều 147, điều 165, điều 228 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 357, điều 612, điều 623, điều 649, điều 650, điều 651 và điều 652, khoản 1 điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của UBTVQH.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Văn P (có ông Nguyễn Văn L đại diện) về việc yêu cầu chia di sản thừa kế đối với bị đơn ông Ngô Văn N.

Xác định:

- Người để lại di sản là: cụ Lê Thị B (chết năm 2004) - không để lại di chúc.
- Di sản thừa kế là quyền sử dụng đất tại thửa số 26 (diện tích được xác định là 389,3m²), tờ bản đồ số 9 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2357 GCN/RĐ ngày 11.9.1990 do bà Lê Thị B đứng tên quyền sử dụng - đất tại khu vực X, phường Y, quận T, tp. Cần Thơ.
- Hàng thừa kế thứ nhất (thừa kế theo pháp luật), gồm: bà Ngô Thị K, ông Ngô Văn N, bà Ngô Thị B, ông Ngô Văn P, bà Ngô Thị P.
- Thừa kế thế vị gồm: Ngô Thị L, Ngô Thị L¹, Nguyễn Bá T và Nguyễn Huỳnh N.
- Người thừa kế được hưởng kỷ phần: ông Ngô Văn P và chị Ngô Thị L/chị Ngô Thị L¹ (thừa kế thế vị của ông Ngô Văn C).

* Di sản được giải quyết như sau:

- Ông Ngô Văn P được toàn quyền sử dụng phần đất diện tích 389,3m² (mục đích sử dụng: T) theo Trích đo địa chính số: 76/TTKTTNMT ngày 10.6.2022 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường tp. Cần Thơ.

- Ông Ngô Văn P có nghĩa vụ bồi hoàn giá trị đất cho chị Ngô Thị L và chị Ngô Thị L¹ số tiền: 116.760.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ông Ngô Văn P được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký, xác lập quyền sử dụng đất theo diện tích được sử dụng.

(Gửi kèm Trích đo địa chính số: 76/TTKTTNMT ngày 10.6.2022 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tp. Cần Thơ và Biên bản thẩm định).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

./ Ông Ngô Văn P phải nộp 35.039.000 đồng, khấu trừ 6.370.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004309 ngày 18.3.2022 và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003851 ngày 14.4.2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T, tp. Cần Thơ thành án phí. Ông P còn phải nộp thêm 28.369.000 đồng.

./ Chị Ngô Thị L/chị Ngô Thị L¹ phải nộp: 5.838.000 đồng.

5. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản và lệ phí Trích đo địa chính: Nguyên đơn ông Ngô Văn P tự nguyện chịu 8.000.000 đồng - đã thực hiện xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân tp. Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ.
- VKSND quận Thốt Nốt.
- THA quận Thốt Nốt.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Điền